

Name: _____

Date: .../.../20...

Class: S6

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 6: UNIT 5 – MONEY
VOCABULARY 2

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	trainers (n)	giày thể thao	12	speedboat (n)	tàu siêu tốc
2	hover board (n.phr)	xe điện cân bằng	13	high-class problem	vấn đề quan trọng
3	mill around (phr.v)	đi loanh quanh	14	cheque (n)	tám séc
4	chauffeur (v)	chở ai đó đi đâu	15	solid (adj)	thẳng rắn/ được làm hoàn toàn bằng vật liệu gì
5	swap (v)	tráo đổi	16	solid (n)	chất rắn
6	visible (adj)	hiện hữu	17	fraction (n)	một phần nhỏ của cái gì
7	invisible (adj)	vô hình	18	raise money	thu thập, quyên góp tiền
8	door handle (n.phr)	tay nắm cửa	19	save up for (phr.v)	để dành, tiết kiệm tiền để có thể mua gì đó trong tương lai
9	antique (adj)	cổ xưa	20	compare (v)	so sánh, đối chiếu
10	defiant (adj)	bướng bỉnh, ngang ngạnh	21	manage (v)	quản lý chi tiêu
11	relent (v)	mủi lòng			

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ;

n.phr = noun phrase: cụm danh từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Circle the underlined parts that need correction and correct them.

0. We brought some sheels home from the beach. → _____ shells _____

A

(B)

C

1. I'm trying to save off for my holiday.
A B C → _____
2. Could you just move a faction to the right, so that I can get by?
A B C → _____
3. I need to go to the bank to pay this cheqie in.
A B C → _____
4. People wear trainer to run and do exercise.
A B C → _____
5. We're trying to rise money to help children with cancer.
A B C → _____

II. Circle the correct answer.

III. Find out the words or phrases based on the clues below.

0. (*of a disease or characteristic*) given to a child by its parents before it is born

1. to examine people or things to see how they are similar and how they are different

2. to use money, time, information, etc. in a *sensible* (*hợp lí*) way

3. a small part or amount of something

4. very hard or *firm* (*bền vững*); not in the form of a *liquid* (*chất lỏng*) or *gas* (*chất khí*)

5. (especially of a large group of people) to move around an area *without* (*mà không*) seeming to be going anywhere *in particular* (*cụ thể*)

→ HEREDITARY

→ ____ M ____ E

→ M ____ A ____

→ ____ R ____ C ____ O ____

→ ____ O ____ D

→ ____ I ____ R ____ U ____ D

IV. Put the letters in brackets into the correct order to complete the sentences.

0. You can't solve (E S V O L) anything by just running away.

1. He wears designer clothes and drives a(n) _____ (N T U A E I Q) car.

2. I wrote him a(n) _____ (C U E E H Q) for £50.

3. The CEO was in a(n) _____ (E F N D T I A) mood as she entered the room.

4. His mother *spoils* (*chiều hư*) him terribly and _____ (H U R C U F S A E F) him around everywhere.

5. These *bacteria* (*vi khuẩn*) are _____ (N V L I B S E I I) unless viewed with a *microscope* (*kính hiển vi*).

V. Fill in the blanks with the given words in the box. Change the form of the words if necessary.

solid	waste	handle	chauffeur	relent	speedboat
-------	-------	--------	-----------	--------	-----------

0. I think study guide is a waste of money.

1. The _____ took off, skimming (*lướt qua*) the waves.

2. Gently, she took hold of the door _____ and turned it.

3. Ann has a _____ gold bracelet.

4. The security guard _____ and let them through.

5. I was _____ around town by my uncle.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

PART 4 Questions 16-20

Five sentences have been removed from the text below. For each question, choose the correct answer. There are three extra sentences which you do not need to use.

A. We didn't have to buy anything as so many people gave us chairs, tables, desks etc.

B. However, the shop wasn't suitable for what we needed.

C. I love her very much but she talks all the time and makes a lot of noise.

D. As a result, people were very bored and it was difficult to make new friends.

E. The building was clean and bright so we didn't have to do anything to it.

F. She always behaves very well because she is shy and quiet.

G. The owner did not want to rent it to anyone and that's why he said we could use it permanently.

H. Some of the parents run a small cafe in the youth club, too.

Creating a youth club

Last summer our town achieved something quite special. We created a youth club in the town centre. Before that there was absolutely nothing for the young people to do after school and at the weekends. **16** It took a long time to finally open the youth club. First of all, we had to find a building that we could use. We put up posters all over the town asking people to help us find a place. We were very lucky because after a couple of weeks someone said we could have an old shop that had been closed for a year. **17** Best of all, he said, we did not have to pay anything to use it. The only thing we had to promise to do was to keep it in good condition.



Once we had a building, lots of people came to help us paint the rather dirty rooms and put furniture in it.

18 Then, a big business in the town gave us three computers and a large TV. The local football team gave us some sport and fitness equipment and they send a coach twice a week to do health and fitness classes with us. **19** There we can buy drinks and snacks. My mother often bakes cakes for the cafe. We also do lots of art at the youth club. We put our pictures on the walls to make the place look really interesting and colourful.

I think the most important thing about our youth club though is that it is a place that young people can go to if they are feeling lonely and want someone to talk to. Also, there is a homework room where we can sit quietly and study. This is useful to me because I have to share a room with my little sister at home. **20** Obviously that makes it hard for me to concentrate on my school work.

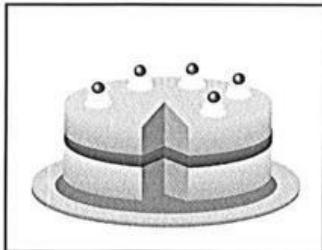
Creating the youth club, in my opinion, is the best thing that has happened in our town recently.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:
<https://youtu.be/T4o2hpiplf0?si=EXqb1oUJu1SehGNJ&t=37>

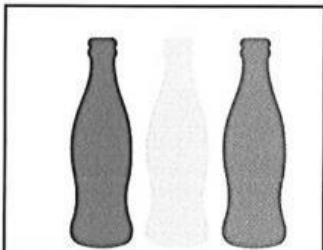
PART 1 Questions 1-7

For each question, choose the correct answer.

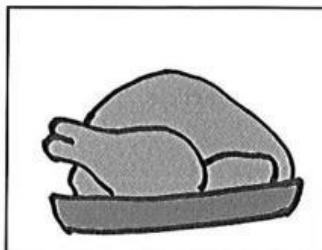
1. What will the girl bring to the dinner?



A



B



C

2. Where is the girl hurting now?



A

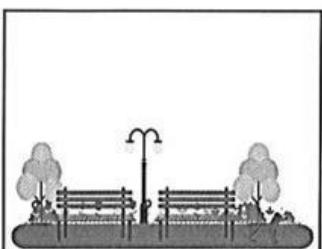


B

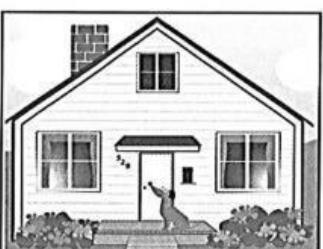


C

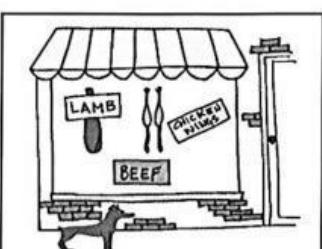
3. Where was the dog found?



A



B



C

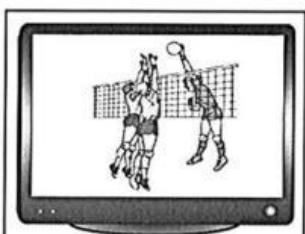
4. What programme does the girl want to watch on TV today?



A



B



C

5. Which DVD did the boy like most?



A



B



C

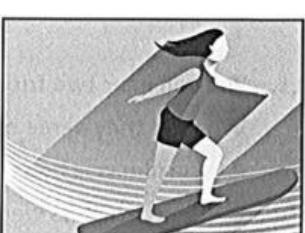
6. Which sport did the girl do for the first time last summer?



A

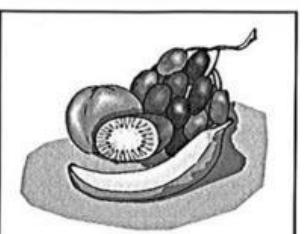


B

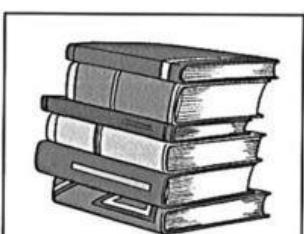


C

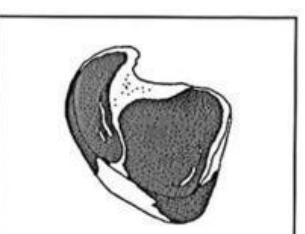
7. What can you buy half price today?



A



B



C

I. Write the correct English meaning of the Vietnamese word or phrase.

No.	Vietnamese	English
1.	tổng lợi nhuận	t _____ p _____
2.	thuộc thời trung cổ (adj)	m_____
3.	bãi đỗ trực thăng (n)	h_____
4.	nhận ra, trân trọng, đánh giá cao, cảm kích (v)	a_____
5.	sang trọng, hạng sang (adj)	p_____

II. Circle the correct answer.

Lưu ý: Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vỏ 1 dòng.